

Bản án số 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn.
2. Bà Trần Thị Mỹ Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn H, xã HP, huyện N, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn H, xã HP, huyện N, tỉnh T.

Chị P, anh T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện N, tỉnh T, cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ anh T tại Thôn H, xã HP, huyện N, tỉnh T. Năm 2009 vợ chồng tách ra ở riêng, thời gian đầu vợ

chồng sống với nhau có hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say về nhà gây gỗ, đánh đập và đuổi chị P ra khỏi nhà. Việc gây gỗ, đánh đập chị P đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương can ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do không chịu đựng được nữa nên chị P đã quyết định sống ly thân với anh T từ đầu tháng 12/2017 đến nay. Xác định tình cảm không còn chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu đầu tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2007, cháu thứ hai tên là Nguyễn Văn Huy T1, sinh ngày 20/10/2009. Hiện nay hai cháu đang ở với chị P, nếu được ly hôn chị có đề nghị được tiếp tục nuôi hai cháu đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi một tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2018.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị P là đúng thực tế, nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị P nên anh mong muốn được đoàn tụ vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh trình bày do bản thân đang điều trị bệnh động kinh, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con, nếu khi nào có điều kiện thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 266, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đúng quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối anh T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2007, và Nguyễn Văn Huy T1, sinh ngày 20/10/2009 cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi hai cháu trưởng thành và anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, hai bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu say về nhà gây gỗ, đánh đập và đuổi chị P ra khỏi nhà. Mặc dù đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương can ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do không chịu đựng được nữa nên chị P đã quyết định sống ly thân với anh T từ đầu tháng 12/2017 đến nay, qua hai lần hòa giải tại Tòa án chị P vẫn xin được ly hôn với anh T, không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, bác yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2007 và cháu Nguyễn Văn Huy T1, sinh ngày 20/10/2009 chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Xét: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả chị P và anh T. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cháu T và cháu T1 có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử cần xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi người để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp với thực tế, cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị P anh T có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về các khoản nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, bác yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh T. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2007 và cháu Nguyễn Văn Huy T1, sinh ngày 20/10/2009 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị P và anh T có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu T và cháu T1 trưởng thành hoặc khi chị P và anh T có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 000629 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị P đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Minh Thước